

Số: 937/QĐ-LTT-ĐT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận tốt nghiệp các môn văn hóa cho học sinh
khóa 15 TCT, 16 TCT**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP.HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-LTT ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGD&ĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 357/QĐ-LTT-ĐT ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp Văn hóa cho học sinh Trung cấp chuyên nghiệp khóa 15 TCT, 16 TCT;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp Văn hóa cho học sinh Trung cấp chuyên nghiệp khóa 15 TCT, 16 TCT ngày 07 tháng 9 năm 2017;

Theo đề nghị của Trường phòng Tuyển sinh - Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp các môn văn hóa cho 102 học sinh của khóa 15 TCT, 16 TCT, cụ thể như sau:

1. Khóa 15 TCT : 40 học sinh
2. Khóa 16 TCT : 62 học sinh *(có danh sách kèm theo)*

Điều 2. Các học sinh có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *nhu*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TS-ĐT *nhu*



HIỆU TRƯỞNG

[Signature]
Phạm Hữu Lộc



**DANH SÁCH HỌC SINH TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP KHÓA 15 TCT, 16 TCT
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA**

(Kèm theo Quyết định số: 937/QĐ-LTT-ĐT ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã số HS	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Điểm			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
							TOÁN	LÝ	HÓA	
1	15000754	Hà Triệu Ái	Nhân	Nam	17/01/1997	15TCT-CK	5.50	8.00	5.30	ĐẠT
2	15001885	Trần Hoàng	Phước	Nam	20/03/1997	15TCT-CK	5.50	10.00	8.50	ĐẠT
3	15001315	Nguyễn Hữu	Quân	Nam	29/9/1997	15TCT-CK	6.50	10.00	8.50	ĐẠT
4	15001550	Phạm Khánh	Sang	Nam	29/09/1997	15TCT-CK	6.50	9.00	8.50	ĐẠT
5	15001621	Nguyễn Phan	Thắng	Nam	04/01/1997	15TCT-CK	6.00	10.00	8.00	ĐẠT
6	15002169	Nguyễn Cường	Thịnh	Nam	20/12/1997	15TCT-CK	8.00	10.00	9.50	ĐẠT
7	15002323	Nguyễn Thành	Trung	Nam	23/10/1996	15TCT-CK	5.00	6.00	10.00	ĐẠT
8	15003423	Huỳnh Triều Hải	Đăng	Nam	21/09/1997	15TCT-Đ	6.50	9.50	9.00	ĐẠT
9	15000760	Lê Ngọc	Khang	Nam	25/05/1996	15TCT-Đ	5.00	7.50	5.50	ĐẠT
10	15001562	Nguyễn Huỳnh	Nhạc	Nam	07/02/1997	15TCT-Đ	7.50	7.50	8.50	ĐẠT
11	15001331	Nguyễn Văn	Nhật	Nam	20/01/1997	15TCT-Đ	5.00	5.00	8.50	ĐẠT
12	15002687	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	02/11/1997	15TCT-Đ	7.00	9.00	8.50	ĐẠT
13	15002903	Dương Tiến	Sĩ	Nam	02/03/1997	15TCT-Đ	6.50	10.00	9.50	ĐẠT
14	15000917	Lê Nguyễn Hoàng	Sơn	Nam	09/03/1997	15TCT-Đ	6.00	9.00	9.50	ĐẠT
15	15003266	Trần Thế	Thiện	Nam	09/08/1996	15TCT-Đ	8.00	9.50	6.50	ĐẠT
16	15001937	Nguyễn Văn	Thuột	Nam	21/11/1997	15TCT-Đ	5.50	9.00	6.00	ĐẠT

STT	Mã số HS	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Điểm			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
						TOÁN	LÝ	HÓA	
17	15003437	Vũ Văn Triển	Nam	02/01/1996	15TCT-Đ	5.00	7.00	7.50	ĐẠT
18	15003347	Bùi Thị Kim Nhung	Nữ	26/07/1997	15TCT-MTT	7.50	9.50	8.50	ĐẠT
19	15000585	Nguyễn Thị Ái Thắm	Nữ	09/09/1997	15TCT-MTT	7.50	10.00	10.00	ĐẠT
20	15003375	Trần Nguyễn Xuân Thảo	Nữ	07/03/1997	15TCT-MTT	7.00	10.00	8.50	ĐẠT
21	15003298	Võ Văn Cường	Nam	06/03/1997	15TCT-NL	5.00	6.00	8.00	ĐẠT
22	15002213	Lê Anh Tuấn Đạt	Nam	06/04/1997	15TCT-NL	6.50	6.00	9.50	ĐẠT
23	15001091	Nguyễn Đặng Hoàng Duy	Nam	27/09/1997	15TCT-NL	5.30	8.50	6.80	ĐẠT
24	15000683	Nguyễn Lý Thái Duy	Nam	14/07/1996	15TCT-NL	6.50	7.50	7.00	ĐẠT
25	15001867	Nguyễn Tấn Phát	Nam	07/8/1997	15TCT-NL	8.00	10.00	7.50	ĐẠT
26	15002060	Lê Tấn Thành	Nam	22/08/1997	15TCT-NL	6.00	8.50	9.50	ĐẠT
27	15001251	Lê Văn Tươi	Nam	25/11/1994	15TCT-NL	5.00	10.00	6.50	ĐẠT
28	15000562	Bùi Quang Vinh	Nam	12/03/1997	15TCT-NL	7.00	9.50	9.50	ĐẠT
29	15000619	Lê Hữu Duy	Nam	14/01/1997	15TCT-Ô	5.00	9.50	9.00	ĐẠT
30	15002469	Nguyễn Trường Giang	Nam	18/11/1996	15TCT-Ô	7.50	9.50	9.50	ĐẠT
31	15001476	Nguyễn Tuấn Hiệp	Nam	20/06/1996	15TCT-Ô	8.50	9.00	6.50	ĐẠT
32	15000897	Lưu Vũ Anh Quốc	Nam	11/07/1997	15TCT-Ô	6.00	10.00	9.00	ĐẠT
33	15002142	Châu Dị Sang	Nam	04/04/1996	15TCT-Ô	8.00	9.50	5.50	ĐẠT
34	15003354	Bùi Văn Tấn Tài	Nam	04/03/1997	15TCT-Ô	6.00	7.00	8.00	ĐẠT
35	15000845	Phan Trọng Thệ	Nam	16/07/1996	15TCT-Ô	9.00	7.00	10.00	ĐẠT
36	15000668	Trần Ngọc Tiến	Nam	28/11/1997	15TCT-Ô	5.00	8.50	7.50	ĐẠT
37	15000941	Bùi Hữu Toàn	Nam	21/04/1997	15TCT-Ô	5.50	6.00	6.50	ĐẠT
38	15002584	Trần Thiện Dũng	Nam	29/07/1995	15TCT-QTM	6.00	7.00	7.00	ĐẠT
39	15002747	Phạm Ngọc Gia Phú	Nam	15/10/1996	15TCT-QTM	7.50	8.50	7.50	ĐẠT

STT	Mã số HS	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Điểm			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
							TOÁN	LÝ	HÓA	
40	15003265	Sử Khắc	Thông	Nam	07/11/1992	15TCT-QTM	8.50	9.50	7.00	ĐẠT
41	16000745	Nguyễn Hoài	Bảo	Nam	29/03/1997	16TCT-Đ	6.50	8.00	6.00	ĐẠT
42	16003316	Bùi Hồng	Doanh	Nam	06/02/1998	16TCT-Đ	7.00	7.50	8.00	ĐẠT
43	16003184	Trần Nhật	Duy	Nam	16/12/1998	16TCT-Đ	6.00	9.00	7.50	ĐẠT
44	16003424	Hồ Hồng	Hải	Nam	04/06/1998	16TCT-Đ	7.50	9.00	9.50	ĐẠT
45	16003296	Lê Ngọc	Hải	Nam	15/11/1998	16TCT-Đ	8.00	9.00	9.50	ĐẠT
46	16001877	Nguyễn Hoàng	Hải	Nam	28/10/1998	16TCT-Đ	6.50	9.00	9.00	ĐẠT
47	16001472	Nguyễn Công	Hạo	Nam	04/10/1998	16TCT-Đ	5.00	9.50	8.00	ĐẠT
48	16002211	Nguyễn Văn Quốc	Hoàng	Nam	27/08/1998	16TCT-Đ	6.00	8.50	7.50	ĐẠT
49	16000649	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	24/05/1998	16TCT-Đ	8.00	8.50	9.00	ĐẠT
50	16002453	Lê Hùng Minh	Huy	Nam	06/09/1996	16TCT-Đ	9.00	7.50	7.00	ĐẠT
51	16002108	Trần Đoàn Quang	Huy	Nam	01/01/1997	16TCT-Đ	7.50	9.50	8.00	ĐẠT
52	16002718	Đặng Nhật	Khánh	Nam	21/09/1998	16TCT-Đ	8.00	8.50	8.00	ĐẠT
53	16000675	Trần Quốc	Khánh	Nam	05/09/1998	16TCT-Đ	7.50	8.00	8.50	ĐẠT
54	16001134	Nguyễn Tiến	Lợi	Nam	13/03/1997	16TCT-Đ	5.50	9.00	8.00	ĐẠT
55	16002207	Nguyễn Đức	Phát	Nam	29/03/1998	16TCT-Đ	8.00	10.00	8.00	ĐẠT
56	16003655	Cao Hồng	Phúc	Nam	24/03/1996	16TCT-Đ	6.00	6.00	6.50	ĐẠT
57	16003581	Phạm Văn	Phúc	Nam	24/12/1996	16TCT-Đ	6.00	8.00	6.50	ĐẠT
58	16002467	Đoàn Hữu	Tài	Nam	04/04/1998	16TCT-Đ	6.50	6.00	9.00	ĐẠT
59	16002452	Huỳnh Minh	Tâm	Nam	09/01/1998	16TCT-Đ	7.50	7.00	9.50	ĐẠT
60	16002984	Nguyễn Thanh	Tâm	Nam	21/09/1998	16TCT-Đ	10.00	8.50	9.50	ĐẠT
61	16001799	Nguyễn Ngọc	Thành	Nam	18/11/1998	16TCT-Đ	6.50	8.00	7.50	ĐẠT
62	16003477	Nguyễn Đình	Thi	Nam	14/04/1998	16TCT-Đ	9.00	9.50	9.50	ĐẠT

STT	Mã số HS	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Điểm			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
							TOÁN	LÝ	HÓA	
63	16003117	Trần Nguyên Chí	Tiến	Nam	03/02/1998	16TCT-Đ	8.00	8.00	9.00	ĐẠT
64	16001848	Nguyễn Trần Đăng	Trung	Nam	12/08/1992	16TCT-Đ	5.00	7.00	9.00	ĐẠT
65	16003651	Cao Thế Công	Dân	Nam	30/07/1998	16TCT-Ô1	7.00	7.00	7.50	ĐẠT
66	16001300	Đào Ngọc	Duy	Nam	25/09/1997	16TCT-Ô1	8.00	8.00	8.50	ĐẠT
67	16001579	Nguyễn An	Giang	Nam	01/06/1998	16TCT-Ô1	5.50	6.00	9.00	ĐẠT
68	16003202	Nguyễn Lưu Trường	Giang	Nam	25/03/1997	16TCT-Ô1	5.50	9.50	7.50	ĐẠT
69	16003049	Lê Ngọc	Nhân	Nam	20/04/1996	16TCT-Ô1	6.50	6.50	8.50	ĐẠT
70	16001371	Nguyễn Hiệp	Phong	Nam	01/12/1998	16TCT-Ô1	7.50	7.00	6.00	ĐẠT
71	16003483	Dương Nhất	Phúc	Nam	20/09/1998	16TCT-Ô1	6.50	10.00	8.50	ĐẠT
72	16000736	Nguyễn Hoàng	Sang	Nam	08/11/1998	16TCT-Ô1	7.00	10.00	7.50	ĐẠT
73	16002756	Nguyễn Tấn	Sang	Nam	15/05/1998	16TCT-Ô1	5.50	10.00	8.50	ĐẠT
74	16001137	Dương Xuân	Thắng	Nam	05/07/1996	16TCT-Ô1	6.50	8.50	8.50	ĐẠT
75	16000660	Nguyễn Ngọc	Tiến	Nam	05/12/1998	16TCT-Ô1	6.50	5.00	6.50	ĐẠT
76	16003592	Vũ Thiên	Cát	Nam	11/04/1998	16TCT-Ô2	6.00	6.50	7.50	ĐẠT
77	16003896	Nguyễn Quân	Đạt	Nam	03/02/1997	16TCT-Ô2	6.00	8.50	6.50	ĐẠT
78	16002438	Trần Trọng Minh	Luân	Nam	03/05/1998	16TCT-Ô2	6.50	7.50	8.50	ĐẠT
79	16000712	Phùng	Nguyễn	Nam	05/03/1998	16TCT-Ô2	6.50	8.00	7.00	ĐẠT
80	16002729	Trần Đậu	Phát	Nam	04/07/1998	16TCT-Ô2	8.00	10.00	7.00	ĐẠT
81	16001891	Thi Đức	Quang	Nam	30/01/1998	16TCT-Ô2	7.00	10.00	8.50	ĐẠT
82	16001564	Võ Ngọc	Quý	Nam	12/04/1998	16TCT-Ô2	7.00	10.00	10.00	ĐẠT
83	16001574	Phạm Thành	Tân	Nam	22/02/1998	16TCT-Ô2	6.50	5.50	9.50	ĐẠT
84	16000943	Trương Vĩnh Nhật	Tân	Nam	01/04/1997	16TCT-Ô2	5.00	8.00	9.00	ĐẠT
85	16000926	Võ Minh	Tân	Nam	03/04/1998	16TCT-Ô2	6.00	5.00	10.00	ĐẠT

STT	Mã số HS	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Điểm			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
							TOÁN	LÝ	HÓA	
86	16003792	Bùi Văn	Thi	Nam	25/10/1998	16TCT-Ô2	9.50	9.00	7.50	ĐẠT
87	16000726	Nguyễn Trung	Thứ	Nam	11/12/1996	16TCT-Ô2	6.00	9.00	8.00	ĐẠT
88	16001651	Trịnh Văn	Tiến	Nam	20/12/1997	16TCT-Ô2	5.00	5.50	7.00	ĐẠT
89	16001151	Nguyễn Văn	Tròn	Nam	05/02/1998	16TCT-Ô2	7.00	7.00	9.00	ĐẠT
90	16001419	Huỳnh Tuấn	Anh	Nam	11/08/1998	16TCT-QTM	6.00	9.00	7.00	ĐẠT
91	16001348	Nguyễn Quốc	Cường	Nam	07/07/1997	16TCT-QTM	5.00	9.50	7.00	ĐẠT
92	16001686	Lư Tấn	Đạt	Nam	31/01/1997	16TCT-QTM	6.00	7.50	9.00	ĐẠT
93	16002331	Phạm Thanh Kỳ	Duyên	Nữ	11/12/1996	16TCT-QTM	8.00	8.00	9.50	ĐẠT
94	16001748	Lê Thanh	Hào	Nam	01/10/1998	16TCT-QTM	6.50	9.50	9.50	ĐẠT
95	16003056	Trương Hữu	Hậu	Nam	05/06/1998	16TCT-QTM	6.00	9.00	7.50	ĐẠT
96	16000665	Phạm Tuấn	Khải	Nam	01/01/1997	16TCT-QTM	6.00	6.00	9.00	ĐẠT
97	16002608	Lê Khải	Minh	Nam	08/12/1998	16TCT-QTM	7.00	8.00	7.00	ĐẠT
98	16003005	Vô Tấn	Phát	Nam	25/03/1996	16TCT-QTM	5.50	7.00	5.30	ĐẠT
99	16003854	Nguyễn Xuân	Quang	Nam	07/08/1998	16TCT-QTM	6.50	10.00	8.50	ĐẠT
100	16001652	Nguyễn Châu Trường	Thành	Nam	27/07/1998	16TCT-QTM	6.50	9.50	9.50	ĐẠT
101	16000622	Dương Khánh	Trường	Nam	15/05/1998	16TCT-QTM	6.50	8.50	9.50	ĐẠT
102	16003396	Nguyễn Tấn	Vinh	Nam	13/11/1997	16TCT-QTM	5.00	9.50	7.50	ĐẠT

Tổng cộng danh sách có 102 học sinh